TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2022
V/v: "Không công nhận là vợ chồng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Đoàn Hạnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Trọng Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1972

Trú tại: Tổ dân phố CL 1, thị trấn NB, huyện LH, tỉnh LĐ.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng Kh**, sinh năm: 1969

Trú tại: Tổ dân phố CL 1, thị trấn NB, huyện LH, tỉnh LĐ

(Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M có mặt, ông Nguyễn Trọng Kh vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trọng Kh xây dựng gia đình với nhau năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm, ông Kh lại cờ bạc nên dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, dần dần mâu thuẫn nặng nề hơn. Đến nay ông bà không thể chung sống với nhau được nữa nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông Kh.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị M xác định ông bà có 02 người con chung là Nguyễn Trọng Trung, sinh ngày 17/3/ 1991 và Nguyễn Thị Thu Hồng, sinh ngày 14/7/1996. Hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà M xác định đã bán tài sản để trả nợ nên hiện nay ông bà không có nợ chung nên bà M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

2. Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Trọng Kh trình bày: Ông Nguyễn Trọng Kh xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị M vào năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn và không thể hòa giải được. Đến nay ông bà không thể chung sống với nhau được nữa nên bà M yêu cầu không công nhận ông bà là vợ chồng thì ông Kh đồng ý. Về con chung ông Nguyễn Trọng Kh không có ý kiến. Về tài sản chung và nợ chung không có nên ông Kh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện không công nhận là vợ chồng của bà Nguyễn Thị M. Các vấn đề khác không đặt ra để xem xét giải quyết. Buộc bà M phải chịu 300.000đồng án phí Dân sự sơ thẩm về việc không công nhận là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Trọng Kh vắng mặt nhưng ông Kh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông Kh là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trọng Kh xây dựng gia đình với nhau năm 1990, trên cơ sở tự nguyện được gia đình hai bên thừa nhận và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống ông bà hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm, không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống và do không tìm được biện pháp cải thiện nên càng lâu ngày mâu thuẫn càng trầm trọng. Tại phiên tòa, bà M xác định không còn tình cảm với ông Kh do mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Kh, còn ông Kh vắng mặt nhưng trong lời khai của mình ông Kh cũng đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Mơ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông Kh và bà M được xác lập sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn nên cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trọng Kh là vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trọng Kh có 02 con chung là Nguyễn Trọng Trung, sinh ngày 17/3/1991 và Nguyễn Thị Thu Hồng, sinh ngày 14/7/1996. Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trọng Kh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, hiện nay các con ông bà đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để

xem xét giao cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm chung của ông Kh và bà M đối với các con ông bà.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trọng Kh cùng xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết về vấn đề tài sản trong vụ án này. Trường hợp sau này các đương sự không thỏa thuận được với nhau và có phát sinh tranh chấp nếu có yêu cầu khởi kiện thì sẽ được xem xét bằng vụ kiện dân sự khác theo thủ tục chung.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trọng Kh xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc khởi kiện không công nhận là vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trọng Kh là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc không công nhận là vợ chồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị M đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0003202 ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/6/2022) bà Nguyễn Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng ông Nguyễn Trọng Kh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trịnh Đoàn Hạnh Trang